



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION

(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia
/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định

Laboratory: Testing and Verifying Department

Cơ quan chủ quản: Viện chuyên ngành Kết cấu công trình xây dựng

Viện Khoa học công nghệ xây dựng

Organization: Institute of Building Structures

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Số hiệu/ Code: VILAS 264

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Cơ

Field: Mechanical

Người quản lý/
Laboratory manager: Chu Công Cần

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: Từ ngày /01/2026 đến ngày 15/08/2026

Địa chỉ: Số 81 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội

Address: No. 81 Tran Cung Street, Nghia Do Ward, Hanoi

Địa điểm: Số 81 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội

Location: No. 81 Tran Cung Street, Nghia Do Ward, Hanoi

Điện thoại/ Tel: 84.24.62670817

E-mail: vilas264ibst@gmail.com

Website: http://www.ibst.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION***VILAS 264****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ (x)****Field of testing: Mechanical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Hệ thống thông gió và cung cấp không khí vào khoang đệm, giếng thang máy, buồng thang bộ <i>Ventilation system and air supply to buffer zones, elevator shafts, stairwells</i>	Đo chênh lệch áp suất <i>Measurement of differential Pressure</i>	(0 ~ 1 000) Pa	AS/NZS 1668.1:2015 EN 12101-13:2022 (*) BS 7436-8:2013 NFPA 92:2021
2.		Đo vận tốc dòng không khí ở vị trí cửa <i>Measurement of air velocity at the door</i>	(1 ~ 34,54) m/s	

Ghi chú/ Note:

- (*): Không áp dụng mục b) 8.2.3 của tiêu chuẩn/ *Not applicable to the article b) 8.2.3 of the standard;*
- AS/NZS: Tiêu chuẩn Úc và New Zealand/ *Australian / New Zealand Standards;*
- EN: Tiêu chuẩn châu Âu / *European Norms;*
- BS: Tiêu chuẩn của Anh / *British Standards;*
- NFPA: Hiệp hội Phòng cháy chữa cháy Quốc gia Hoa Kỳ / *National Fire Protection Association;*
- (x): Phép thử thực hiện tại hiện trường/ *Testing on site.*

Trường hợp Viện chuyên ngành Kết cấu công trình xây dựng, Viện Khoa học công nghệ xây dựng cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Viện chuyên ngành Kết cấu công trình xây dựng, Viện Khoa học công nghệ xây dựng phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Institute of Building Structures, Vietnam Institute for Building Science and Technology that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

